

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 17/4/2024

V/v: “Chia tài sản chung của  
vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Trần Đức Kiên**

*Các thẩm phán:* ông **Trương Minh Tuấn**

ông **Đình Phước Hoà**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Đặng Ngọc Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà **Bùi Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2023/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về “Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 575/2024/QĐPT ngày 29 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* ông WoodFord Jame E, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số A U, New South W, Australia, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

1. Ông Lê Đăng K

2. Bà Trần Thị Như Q

Cùng địa chỉ: Công ty L1, Phòng 304, Lầu C C, Số F T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đều có mặt.

3. Bà Lê Thị D

Địa chỉ: Công ty L1, Phòng 304, Tầng C Indochina R, Số G B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 3 năm 2021), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: bà Nguyễn Thùy A, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: số A L, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Nơi cư trú hiện nay: 2 Will Crescent Denham New South W Australia, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền*: ông Nguyễn Việt D1.

Địa chỉ cư trú: nhà số A đường L, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy ủy quyền ngày 25/9/2023), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ cư trú: thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, đều có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

1. *Nguyên đơn ông W Jame E trình bày*: ông WoodFord J E tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thùy A ngày 12 tháng 3 năm 2019. Trong thời kỳ hôn nhân (*từ ngày 17 tháng 02 năm 2020 đến ngày 24 tháng 7 năm 2020*), ông WoodFord J E đã nhiều lần gửi tiền cho bà Thùy A sửa chữa, xây dựng khu căn hộ trên thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần N, bà Trần Thị L, đăng ký biến động sang tên cho bà Nguyễn Thùy A năm 2014). Sau khi xây dựng nhà một thời gian thì giữa ông W Jame E và bà Thùy A không cùng sống chung; nguyên đơn đã gửi mail liên lạc nhưng bà Thùy A không phối hợp xử lý tài sản chung. Do đó, ông WoodFord J E khởi kiện, yêu cầu chia 50% giá trị quyền sử dụng thửa đất và ngôi nhà đang xây (*chưa hoàn thiện*) gắn liền với đất. Nguyên đơn có nguyện vọng nhận lại giá trị tài sản theo kết quả định giá. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn bà Nguyễn Thùy A*: Phía bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không phản hồi ý kiến, không tham gia tố tụng; cha mẹ ruột của bị đơn là ông Nguyễn Đình P và bà Phạm Thị H cho rằng bị đơn đã xuất cảnh ra nước ngoài nhưng không liên lạc được và không rõ địa chỉ cư trú của bị đơn ở nước ngoài.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Nguyễn Đình P và bà Phạm Thị H xác nhận lời khai phía nguyên đơn về quan hệ hôn nhân giữa ông WoodFord Jame E và bà Nguyễn Thùy A là đúng. Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc từ tiền của vợ chồng Ông, B nhận chuyển nhượng và để bà Thùy A đứng tên trước khi bà Thùy A có chồng. Ông P, Bà H thừa nhận toàn bộ chi phí làm nhà là của ông WoodFord J E gửi về, bà A không có thu nhập. Ngoài ra, trong số tiền ông WoodFord J E gửi về còn chi cho lễ cưới, phục vụ gia đình ông WoodFord J E ở lại Việt Nam trong thời gian tổ chức lễ cưới và chi phí sinh hoạt của bà A trong 02 năm. Hiện ông P, bà H đang quản lý nhà đất theo thỏa thuận miệng là vợ chồng bà A sẽ trả công 600 đô la Úc/tháng nhưng chưa trả.

Mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra khi ông WoodFord J E đưa bà A sang Úc và bỏ mặc bà A bên đó, không có nơi cư trú. Ông P, bà H xác định không rõ nơi cư trú của bà A, đề nghị Tòa giải quyết quyền lợi của bà Thùy A đúng pháp luật.

**Với các nội dung trên, tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:** căn cứ các điều 28, 37, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 217, 227, 244, 470 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các khoản 1, 13 Điều 3, các điều 9, 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

**1.** Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn WoodFord Jame E về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Quyền khởi kiện lại của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**2.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định ngôi nhà 02 tầng gắn liền với thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung của vợ chồng ông W Jame E và bà Nguyễn Thùy A. Trong đó phần sở hữu của ông WoodFord J E là 60% giá trị ngôi nhà (*tương ứng 580.748.340 đồng*), phần sở hữu của bà Thùy A là 40% giá trị ngôi nhà (*tương ứng 387.165.552 đồng*).

**3.** Giao bà Nguyễn Thùy A sở hữu toàn bộ ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 477,5m<sup>2</sup> (*móng trụ, khung dầm, sàn đúc bê tông cốt thép, tường xây gạch, chưa hoàn thiện*), trị giá 967.913.892 đồng, gắn liền với thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam do bà Nguyễn Thùy A đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bà Nguyễn Thùy A bồi trả cho ông WoodFord J E số tiền **580.747.340** (*năm trăm tám mươi triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thùy A kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền nguyên đơn gửi cho bị đơn để xây nhà là quà tặng chứ không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của B và ông WoodFord J E.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1.]. Ngày 21/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thùy A kháng cáo bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà, đại diện bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không hoà giải, tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thùy A, sửa bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản theo hướng nguyên đơn, bị đơn mỗi người được phân chia 1/2 giá trị ngôi nhà tranh chấp trong vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thùy A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc căn nhà 02 tầng (chưa hoàn thiện) trên thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam:

Nguyên đơn ông W Jame E và bà Nguyễn Thùy A đăng ký kết hôn ngày 12/3/2019 tại Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn cho rằng trong thời gian từ ngày 17 tháng 02 năm 2020 đến ngày 24 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn đã nhiều lần gửi tiền cho vợ là bà Nguyễn Thùy A mục đích để xây dựng, sửa chữa căn hộ trên thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thùy A được cha mẹ cho năm 2014. Xét thấy lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung xác nhận của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan bà H1 (cha mẹ ruột của bà Thùy A), phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp các lần giao dịch chuyển tiền từ Úc về Việt Nam cho bà Thùy A (bút lục 59 đến 70). Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì căn nhà 02 tầng nêu trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của ông W Jame E và bà Nguyễn Thùy A. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là giá trị căn nhà nêu trên là có cơ sở.

[2.2]. Trong đơn kháng cáo, bị đơn bà Nguyễn Thùy A cho rằng số tiền ông WoodFord J E chuyển từ Úc về Việt Nam cho bà là quà của chồng tặng cho vợ nên bà hoàn toàn có quyền định đoạt sử dụng vào mục đích gì là quyền của bà, căn nhà 02 tầng không phải tài sản chung nên bà không đồng ý phân chia. Về vấn đề này đã được Hội đồng xét xử nhận định tại mục [2.1] nên nội dung trình bày của bà Thùy A không có cơ sở chấp nhận.

Đối với nội dung bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm định giá căn nhà giá 967.913.892 đồng là chưa hợp lý vì chi phí thực tế bà bỏ ra xây dựng chỉ khoảng 800.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo hồ sơ vụ án, địa chỉ của bị đơn ghi trong giấy tờ đăng ký kết hôn là “phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam”; bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, không phản hồi ý kiến; cha mẹ ruột của bà A cũng xác nhận nơi cư trú của bà là ở cùng gia đình (thành phố H) trước khi đi nước ngoài và hiện không rõ nơi cư trú của bà ở nước ngoài; Do đó, Tòa án cấp

sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, các đương sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá tài sản. Kết quả định giá tài sản do Công ty Cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung tiến hành đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không có yêu cầu định giá lại và cũng không đưa ra được tài liệu chứng minh kết quả định giá lần đầu không chính xác theo quy định tại khoản 5 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên ý kiến của bị đơn về nội dung này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

### [2.3]. Về chia tài sản:

[2.3.1]. Như đã nhận định tại mục [2.1] nêu trên của bản án, ngôi nhà hai tầng được xây dựng trên thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung của vợ chồng ông W Jame E và bà Thùy A được hình thành từ công sức đóng góp phần lớn của ông Jame E; bà Thùy A là người đứng ra tổ chức việc xây dựng ngôi nhà. Mặc dù ông J E có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc hình thành tài sản chung của vợ chồng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện nguyên đơn đều chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 50% giá trị thực tế của tài sản, điều này được thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ: Đơn khởi kiện ngày 31/3/2021 (BL 04), Đơn khởi kiện được hợp pháp hoá lãnh sự đề ngày 07/4/2021 (BL 140), Đơn trình bày của bà Lê Thị D đề ngày 10/5/2021 (BL 156) và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải ngày 10/6/2021 (BL 163) có bà D tham gia; tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn rút phần yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, còn các yêu cầu khác đại diện nguyên đơn giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông WoodFord Jame E được hưởng 60% giá trị ngôi nhà tương ứng với số tiền 580.747.340đ là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn, phân chia cho ông W Jame E và bà Nguyễn Thùy A mỗi người được hưởng 50% giá trị ngôi nhà tương ứng với số tiền 483.956.946 đồng.

[2.3.2]. Về giao hiện vật, bà Nguyễn Thùy A là người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền ngôi nhà; ông WoodFord J E là người nước ngoài, không đủ điều kiện để đứng tên quyền sở hữu nhà, đất tại Việt Nam. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao toàn bộ ngôi nhà hai tầng trên đất cho bà Nguyễn Thùy A sở hữu và buộc bà Nguyễn Thùy A trả giá trị tài sản ông WoodFord J E được hưởng tương ứng số tiền được phân chia là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thùy A, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần chia tài sản như

quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên toà.

[4]. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: do sửa bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng khác cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thùy A không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thùy A. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**2.** Căn cứ các Điều 28, 37, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 217, 227, 244, 470 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các khoản 1, 13 Điều 3, các Điều 9, 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ngôi nhà 02 tầng gắn liền với thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung của vợ chồng ông W Jame E và bà Nguyễn Thùy A. Trong đó phần sở hữu của ông WoodFord J E là 50% giá trị ngôi nhà (*tương ứng 483.956.946 đồng*), phần sở hữu của bà Nguyễn Thùy A là 50% giá trị ngôi nhà (*tương ứng 483.956.946 đồng*).

- Giao bà Nguyễn Thùy A sở hữu toàn bộ ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 477,5m<sup>2</sup> (*móng trụ, khung dầm, sàn đúc bê tông cốt thép, tường xây gạch, chưa hoàn thiện*), trị giá 967.913.892 đồng, gắn liền với thửa đất số 605, tờ bản đồ số 03, tại thôn U, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam do bà Nguyễn Thùy A đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bà Nguyễn Thùy A bồi trả cho ông WoodFord J E số tiền 483.956.946 (*bốn trăm tám mươi ba triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi sáu*) đồng.

**3.** Về án phí và chi phí tố tụng: căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**3.1.** Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thùy A phải chịu 23.358.260 (*hai mươi ba triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi*) đồng;

- Ông WoodFord J E phải chịu 23.358.260 (*hai mươi ba triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi*) đồng, được trừ vào số tiền 56.680.000 (*năm*

*mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002646 ngày 04/05/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (người nộp Lê Thị D). Hoàn trả lại cho ông WoodFord Jame E 33.321.740 (*ba mươi ba triệu, ba trăm hai mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi*) đồng tiền tạm ứng án phí thừa theo biên lai thu nói trên.

**3.2.** Án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thùy A không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà A đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000015 ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam được khấu trừ vào tiền án phí sơ thẩm.

**3.3.** Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu*) đồng, ông WoodFord J E phải chịu 12.500.000 (*mười hai triệu năm trăm nghìn*) đồng, bà Nguyễn Thùy A phải chịu 12.500.000 (*mười hai triệu năm trăm nghìn*) đồng. Ông WoodFord J E đã nộp xong số tiền trên nên bà Nguyễn Thùy A phải trả lại cho ông WoodFord J E số tiền 12.500.000 (*mười hai triệu năm trăm nghìn*) đồng.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị được thi hành theo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Đức Kiên**